

FREDERICK FORSYTH

Muốn là được



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Muốn Là Được

Frederick Forsyth

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[Lời giới thiệu](#)

[MUỐN LÀ ĐƯỢC\[1\]](#)

[XÔI HÔNG BÔNG KHÔNG\[2\]](#)

[MỘT SẮP XẾP HOÀN HẢO\[4\]](#)

[PHÁN XỬ CÔNG BẰNG\[5\]](#)

[Chú thích](#)

[Giới thiệu](#)

Mark Anderson, một tay người Anh giàu có, thích hưởng thụ và có khẩu hiệu sống là: “Mark đã muốn thì sẽ có được!” Oái oăm thay, gã đã lại đi phải lòng quý cô Summers đã có chồng và sống tận Tây Ban Nha. Quý cô đã cự tuyệt gã. Ôm nỗi uất ức trong lòng, gã thuê sát thủ bắn chết lão chồng của cô ta. Muốn là được, thì anh chồng xấu số nọ cũng châu trời, nhưng gã Mark được còn nhiều hơn cái hăn muốn...

Tên Murphy bày cách ăn cướp một xe chở rượu. Sau bao khó nhọc nó cũng đã bắt được chiếc xe tải, chỉ ngắt nổi thằng tài xế cử một mực bảo xe nó chỉ chở phân thôi, chả có rượu riếc chi cả. Rồi thì cảnh sát ập vào xét xe tải, mới phát hiện ra trong các bao tải chính là Gã Murphy ngậm cảm ơn bọn cớm.

Quý ông Hanson qua đời để lại gia tài kếch xù cho ba người họ hàng còn lại mà ông ghét cay ghét đắng. Ông muốn hành hạ họ một phen mà không cho họ một xu. Và ông cũng chẳng muốn chi 65% thuế thừa kế cho chính quyền. Ông muốn làm một điều gì ý nghĩa cho những đứa trẻ mồ côi. Ông muốn có một tang ma thiệt độc đáo. Và ông nghĩ ra một cách...

Thẩm phán Comyn tình cờ bị cuốn vào một ván bài của một tay nhỏ thó và một đức Cha. Đức Cha thì nào chơi bài được, thế là họ bày ra trò đánh bài ăn que diêm. Riết cũng chán, họ quy diêm ra tiền và thẩm phán Comyn bảo nếu Cha thắng thì cứ lấy tiền làm từ thiện còn nếu Cha thua thì không đòi Cha trả tiền là được. Đức Cha thắng to. Comyn thấy chẳng có gì lẩn tẩn. Ấy là cho đến một ngày tên nhỏ thó ấy bị người ta kiện bạc bịp...

Muốn là được gồm bốn truyện ngắn, tiết tấu nhanh, thắt mở nút bất ngờ và đầy chất châm biếm mỉa mai của ***Frederick Forsyth*** sẽ dẫn bạn từ bất ngờ này đến bất ngờ khác.

Lời giới thiệu

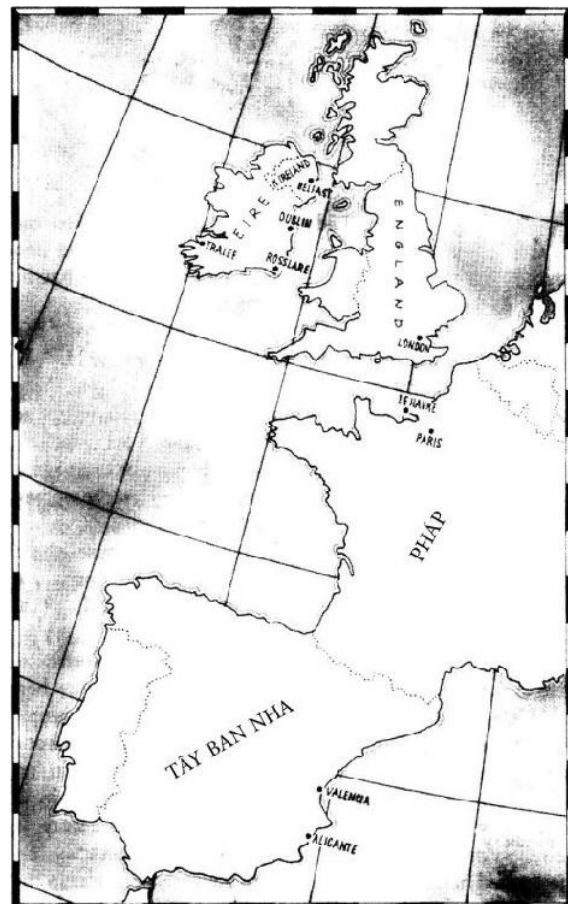
Bối cảnh của các câu chuyện trong cuốn sách này được xây dựng ở các thành phố và các quốc gia khác nhau. **Muốn Là Được** là một câu chuyện xảy ra tại thành phố Luân Đôn và cả thành phố Alicante, một vùng duyên hải thuộc đất nước Tây Ban Nha. Trong khi đó, **Xôi Hồng Bông Không...** và **Phán Xử Công Bằng** lại có bối cảnh ở miền nam Ireland.

Hòn đảo Ireland nằm về phía tây vương quốc Anh và được chia thành hai phần. Ở phía nam hòn đảo là nước cộng hòa Ireland, còn gọi là Eire. Trong lịch sử, đã có lúc Eire chỉ là một bộ phận nằm trong vương quốc Anh. Giờ đây Eire là một quốc gia độc lập có thủ đô là thành phố Dublin. Ở phía bắc hòn đảo là đất nước Bắc Ailen (Northern Ireland), thường được gọi là Ulster. Ulster là một bộ phận nằm trong vương quốc Anh, thủ đô của Ulster là thành phố Belfast. Cuộc chiến ở Bắc Ailen từng kéo dài trong nhiều năm trời nhằm thực hiện bằng được nguyện vọng tách rời Bắc Ailen ra khỏi vương quốc Anh.

Ngày ngày đều có phà qua lại trên vùng biển nằm giữa đất nước Ireland, Anh và châu Âu. Ngoài việc vận chuyển khách, những chiếc phà này còn chuyên chở cả các xe tải mang hàng hóa ra vào đất nước Ireland.

Một Sắp Xếp Hoàn Hảo là câu chuyện về một nhà triệu phú tên là Timothy Hanson. Nhà triệu phú này sở hữu một căn hộ riêng ở West End of London (khu Tây Luân Đôn) và một cao ốc văn phòng rộng lớn ở ngay City of London (Trung tâm tài chính và thương mại của thành phố Luân Đôn, là phần cổ kính nhất thuộc thành phố Luân Đôn). Ông Timothy Hanson dành phần lớn thời gian của mình để sống tại một trang viên rộng lớn ở hạt Kent, thuộc vùng đông nam nước Anh. Ông ta thường ngồi xe hơi đi về trang viên ở hạt Kent này và cứ mỗi lần đi về như vậy ông lại đi qua khu Đông Luân Đôn (East End of London), chính là vùng dân cư nghèo khổ của thành phố Luân Đôn.

Hy vọng rằng tập truyện ngắn này của tác giả Frederick Forsyth sẽ mang lại cho bạn đọc những giây phút thú vị với những kết cục truyện đầy bất ngờ và éo le đến hài hước.



MUỐN LÀ ĐƯỢC[1]

Mark Sanderson là người biết tận hưởng những thú vui của cuộc đời. Anh thích được phụ nữ vây quanh, ăn món ngon vật lạ và uống rượu sâm banh. Điều quan trọng là anh luôn có tiền trong tay để mua ngay những gì mình thích, bởi anh chính là một nhà triệu phú.

Mark Sanderson đã phát lên nhanh chóng nhờ vào công việc kinh doanh bất động sản ở Luân Đôn. Giờ đây anh đang ở vào tuổi ba mươi chín, tiền muôn bạc khối, tiếng tăm lẫy lừng nhưng lại cảm thấy buồn tẻ!

Hình chụp của anh thường xuất hiện trên báo chí, bên cạnh các minh tinh màn bạc và các nữ diễn viên nổi tiếng. Anh yêu thích phụ nữ nhưng chưa hề đem lòng yêu thương thực sự một người nào. Thực ra, anh cho rằng sẽ không bao giờ gặp được người phụ nữ mà mình muốn cưới làm vợ.

Khi đã phát lên, anh bèn tậu cho mình một trang viên bề thế ở miền quê, một ngôi nhà ở Pháp, một xe hơi thể thao, một chiếc Rolls Royce và một du thuyền. Nói chung là anh có thể mua được bất cứ thứ gì mình muốn và đã từng cao giọng tuyên bố: “Mark đã muốn thì sẽ được!”

Anh đã tiếp xúc với nhiều phụ nữ, nhưng chưa bao giờ anh gặp được người phụ nữ mà mình hằng mong mỏi.

Rồi bất ngờ một đêm kia, anh đã gặp nàng.

Hôm ấy, anh đến dự một bữa tiệc chiêu đãi tề tựu nhiều nhân vật hoặc giàu có, hoặc tiếng tăm, hoặc nhan sắc xinh tươi mà Mark Sanderson vốn không xa lạ gì. Nhưng bên cạnh những gương mặt quen thuộc đến nhàm chán ấy, xuất hiện một phụ nữ mà anh chưa từng gặp. Nàng chừng ba mươi tuổi, người cao dong dỏng và đầy vẻ thu hút; nàng mặc một chiếc đầm trắng kiểu đơn giản, mái tóc màu nâu được cột gọn lại ở sau gáy, không đeo nữ trang và cũng không trang điểm. Ngay khi Mark Sanderson trông thấy nàng, anh đã nảy sinh ngay ước muốn có được nàng, một ước muốn mãnh liệt hơn bất kỳ điều gì khác trên đời!

Anh tiến về phía nàng và cất tiếng hỏi chuyện: “Cô thấy bữa tiệc có vui không?”

Nàng mỉm một nụ cười với anh rồi đáp: “Tôi không thích lắm. Chỉ đến dự tiệc theo lời mời từ một người bạn học nên tôi không quen biết ai cả.”

Mark Sanderson vừa mỉm cười tỏ ra thông cảm, vừa nhìn sâu vào đôi mắt đen láy của nàng. Anh hiểu ngay rằng nàng chính là người phụ nữ anh hằng mong đợi, một túp phụ nữ mà anh cứ ngỡ là suốt đời này mình không bao giờ gặp được. Nhưng rồi cũng ngay lúc ấy, đập vào mắt anh là chiếc nhẫn cưới đang lấp lánh trên ngón tay nàng.

“Tại sao trước đây tôi chưa bao giờ gặp cô nhỉ?”, anh hỏi.

Nàng cười mở kể cho anh biết là nàng vốn sinh sống ở Tây Ban Nha, chỉ đến chơi Anh quốc có một tuần, chồng làm nghề viết sách, bản thân là giáo viên tiếng Anh, tên gọi là Angela Summers.

Khi tiệc tàn, Mark Sanderson ngỏ ý mời nàng hôm sau cùng đi ăn tối.

Nàng trả lời sau khi suy nghĩ một lúc: “Vâng, tôi nghĩ là được đấy.”

Tối hôm sau anh lái xe đến đón nàng. Nàng nhanh nhẹn bước đến chiếc xe trong một chiếc đầm dài kiểu cũ. Sau khi đã yên vị, họ lái xe tới một nhà hàng và dùng bữa ở đó. Trong suốt bữa ăn hôm ấy, nàng đã bộc lộ phong cách trò chuyện thông minh và quan tâm lắng nghe Mark.

Thế là Mark ngày càng say sưa nói nhiều hơn về bản thân. Càng lúc, Mark càng yêu thích nàng hơn và càng muốn kể cho nàng nghe cả về những điều mà ngày thường Mark không hay nói đến.

Khi nhà hàng đã đến giờ đóng cửa, hai người vẫn còn mãi mê thăm thì trò chuyện. Mark đánh

bạo mời nàng cùng về căn hộ riêng của anh, nhưng nàng đã từ chối một cách lịch sự mà cương quyết.

Mark Sanderson biết mình đang yêu. Anh không bận tâm đến chuyện gì và bất kỳ người nào ngoài nàng Angela Summers. Anh bắt đầu gửi quà tặng và gọi điện thoại cho nàng. Anh muốn được liên tục gặp gỡ nàng trước khi nàng lên đường trở về Tây Ban Nha. Anh muốn dẫn nàng đến thăm ngôi nhà nghỉ mát của mình ở thôn quê, anh muốn mời nàng dạo chơi trên chiếc du thuyền và đi đó đây trên những chiếc xe hơi sang trọng của mình. Và hơn thế nữa, anh muốn làm tất cả để giữ nàng ở lại bên anh, vì “Mark đã muốn là phải được!”.

Vào buổi tối hôm cuối cùng họ đi chơi với nhau, Mark thổ lộ với Angela là anh muốn nàng ở lại Anh quốc với mình. “Em hãy ly dị chồng rồi kết hôn với anh,” Mark yêu cầu.



Mark muốn kể cho nàng nghe cả về những điều mà ngày thường Mark không hay nói đến.

Nàng nhìn anh dò xét và nhận ra ngay là anh đang nói chuyện nghiêm túc. Nàng bèn lắc đầu rồi đáp: “Em không thể ly dị chồng được đâu.”

“Anh yêu em,” Mark tha thiết bộc lộ tình cảm, “và anh sẽ làm bất cứ điều gì vì em.”

“Đây là lỗi tại em,” nàng phân bua. “Đúng ra em nên ngưng không gặp gỡ anh sớm hơn nữa. Nhưng anh phải hiểu là em không bao giờ có thể rời bỏ chồng mình. Anh ấy cần có em.”

“Nhưng chẳng lẽ em không hề yêu anh một tí nào sao?”

“Em cũng không biết nữa,” nàng từ tốn đáp.

“Anh muốn có em!”, Mark thốt lên với vẻ mãnh liệt.

“Đúng là anh muốn có em,” nàng kiên quyết, “nhưng anh không cần em. Anh không cần em như chồng em cần em.”

“Như vậy là các người, em và chồng em sẽ sống bên nhau?”, Mark gằn giọng vẻ tức giận.

“Vâng, trong suốt phần đời còn lại,” nàng nhỏ nhẹ đáp. Thế rồi, nàng dứt khoát đứng lên, vụt hôn Mark một cái thật nhanh và bỏ đi.

Mark Sanderson chỉ còn lại có một mình, lòng ngổn ngang với một tình yêu say đắm, giờ đã trở thành một nỗi ám ảnh cuồng si. Anh lẩm bẩm: “Mark đã muốn là phải được. Mãi mãi là như vậy.”

Mark Sanderson đã tâm niệm là anh muốn và sẽ phải lấy bằng được nàng Angela Summers, người phụ nữ khác biệt hẳn với những phụ nữ khác. Trong khi các cô các bà khác chỉ chăm chăm dòm ngó tiền bạc của chàng triệu phú Mark Sanderson, thì nàng Angela Summers lại không màng đến nó. Đã vậy thì Mark quyết định phải dùng tiền theo một cách khác để chiếm được nàng.

Anh thông báo cho các nhân viên quản lý kinh doanh làm việc dưới quyền là anh sẽ nghỉ ngơi một thời gian ở nhà và hứa hàng ngày sẽ chủ động gọi điện thoại. Rồi anh đi thuê một căn hộ nhỏ nằm giữa thành phố Luân Đôn, trả trước tiền thuê hai tháng và đăng ký dưới cái tên ‘Michael Johnson’.

Chính ở căn hộ nhỏ này, anh đã lần lượt thực hiện từng bước kế hoạch chiếm hữu nàng Angela Summers. Anh đã có cái tên mới là Michael Johnson. Bây giờ anh cần có một gương mặt mới vì gương mặt cũ đã nổi danh, cần phải được biến đổi đi một chút. Anh bèn tìm đến một tiệm làm tóc nhỏ, bảo thợ cắt tóc mình cho ngắn lên rồi nhuộm thành màu vàng.

Cái anh cần tiếp theo là toàn bộ thông tin về nàng Angela Summers và người chồng yêu quý của nàng. Anh bèn thuê thám tử tìm nơi cư ngụ của đôi vợ chồng ở Tây Ban Nha. Cũng trong thời gian này, anh tìm được tên tuổi một lính đánh thuê đã tung hoành nhiều năm ở châu Phi và Trung Đông. Anh khám phá ra là gã lính đánh thuê này hiện đang lẩn quất đâu đó trong thành phố Luân Đôn.

Tay thám tử đã thu thập đầy đủ thông tin về nàng Angela Summers và chồng nàng, kể cả hình ảnh về họ nữa. Đôi vợ chồng này đang sống trong một biệt thự ở Costa Blanca, nằm gần thị trấn Ondara, giữa thành phố Alicante và thành phố Valencia. Vào buổi sáng, nàng Angela Summers đi dạy tiếng Anh. Mỗi buổi chiều, trong khoảng từ ba giờ đến bốn giờ, nàng ra bãi biển còn người chồng thì ở lại biệt thự, bận rộn với công việc viết sách về các giống chim ở miền nam Tây Ban Nha.

Mark Sanderson làm chủ nhiều công ty, trong số đó có một công ty xuất bản đã phát hành một quyển sách về lính đánh thuê ở châu Phi. Mark đến gặp tác giả quyển sách này, mang theo tên của người lính đánh thuê ở Luân Đôn mà anh đang muốn tìm.

Tay tác giả sống trong một căn hộ rẻ tiền và thường xuyên say xỉn. Mark Sanderson tự giới thiệu: “Tên tôi là Michael Johnson, làm việc cho nhà xuất bản đã từng in sách của ông. Tôi thích sách của ông lắm.”

“Quyển sách đó bán đâu có chạy lắm,” tay tác giả đáp.

“Đúng là vậy...”, Sanderson đồng ý, “nhưng chúng tôi đang nghĩ đến việc xuất bản câu chuyện về một nhân vật khác mà ông cũng biết. Chúng tôi sẽ trả ông 100 đồng bảng Anh nếu ông cho chúng tôi biết chỗ tìm ra người đó.”

Gương mặt tay tác giả sáng bừng lên khi nghe đến tiền bạc. “Các ông muốn tìm ai?”

“Một người mang họ Hughes.”

“Tên cận bã đó ư! Hẳn ta mà viết sách ư?”, tay tác giả thốt lên.

“Tôi có thể tìm hẳn ta ở đâu?”, Sanderson vừa hỏi vừa móc túi lấy ra mười tờ mười bảng Anh.

Tay tác giả nhận tiền rồi viết một cái tên lên một mảnh giấy. “Hẳn ta thường uống rượu ở đó,” ông ta nói gọn lỏn.

Sanderson ra về. Trên mảnh giấy là tên của một quán bar nằm trong hạt Earls.

Tối hôm đó, Sanderson đến ngồi trong quán ba hạt Earls suốt đêm tiếng đồng hồ liền. Trong

tay anh không có hình ảnh gì về gã đàn ông mà anh đang tìm kiếm, chỉ dựa vào lời mô tả rằng đó là một gã cao, khỏe, vai rộng, mắt sáng và có một vết sẹo hằn sâu trên cằm. Vậy mà Sanderson đã nhận ra gã đàn ông ngay khi gã vừa bước vào.

Gã đàn ông tiến lại quầy bar và đứng đó chậm rãi nhấp hết một ly bia. Khi gã bỏ đi, Sanderson liền bám theo gã. Thì ra, gã đi bộ đến khu hộ chung cư lân cận, lấy chìa khóa ra tra vào cánh cửa số 2, rồi biến vào bên trong; liền sau đó có một ngọn đèn sáng lên trong căn hộ.

Mười phút sau Sanderson mới đến gõ cửa. Ánh sáng trong căn hộ vụt tắt trước khi cánh cửa được chậm chậm hé ra khiến Sanderson không thể trông thấy được gì bên trong.

“Anh là Hughes phải không?” Sanderson hỏi.

“Ai cần gặp ông ấy?”, một giọng nói phát ra từ trong bóng tối.

“Tên tôi là Johnson, Michael Johnson,” Sanderson đáp.

“Ai chỉ ông đến đây?”

Khi Sanderson nói ra tên của tay tác giả thì cánh cửa mới được mở rộng.

“Mời vào.”

Sanderson bước vào trong căn phòng tối. Hughes đóng cửa rồi bật sáng ngọn đèn. Trong căn hộ không có nhiều vật dụng. Hughes chỉ tay vào một chiếc ghế nhỏ và Sanderson ngồi xuống đó.

“Tôi có một việc cần làm,” Sanderson vào đề ngay. “Tôi muốn một người đàn ông phải chết.”

Hughes nhìn Sanderson trừng trừng rồi bước đến bên một máy phát thanh đang chơi nhạc dịu dặt. Gã vặn cho volume cực lớn, rồi mở một ngăn kéo lần lượt lôi ra giấy, bút chì và một khẩu súng.

Sanderson muốn xỉu khi thấy mũi súng chĩa về phía mình. Hughes viết một vài chữ lên tờ giấy rồi đẩy tờ giấy trượt trên mặt bàn “CỎI ĐỒ RA”.

Thật từ tốn, Sanderson đứng lên cởi cái áo khoác ngoài. Hughes đón lấy và cho một tay vào lục nhanh các túi áo, tay kia vẫn cầm súng chĩa về phía Sanderson. Sau đó, Sanderson tiếp tục cởi bỏ phần áo quần còn lại dưới sự theo dõi của Hughes.

“Được rồi, mặc vào đi,” Hughes ra lệnh. Rồi hắn ta vặn cho volume máy phát thanh nhỏ lại và cất khẩu súng đi.

“Anh nghi là tôi mang theo súng hả?” Sanderson hỏi.

“Không,” Hughes đáp. “Tôi muốn biết ông có đem theo micro hay máy ghi âm không. Ngay từ đầu tôi đã biết là ông không mang súng.”

“Nào, quay trở lại vụ này,” Sanderson tiếp tục câu chuyện. “Tôi sẵn sàng thanh toán hậu hĩ.”

“Giá nào của ông cũng không thể gọi là hậu hĩ với tôi đâu,” Hughes nói.



Sanderson muốn xỉu khi thấy mũi súng chĩa về phía mình.

“Tôi không cần anh làm việc này,” Sanderson trả lời. “Tôi muốn tìm một tay đánh thuê ngoại quốc để thực hiện vụ này ở một xứ khác. Hãy giới thiệu cho tôi tên của một người như vậy.”

Sanderson lấy ra năm mươi tờ giấy bạc hai mươi bảng Anh mới cáu và đặt chúng lên bàn. “Tôi sẽ tiếp tục đưa thêm chừng này tiền nữa khi anh cho tôi một cái tên để liên hệ.”

Hughes cầm lấy tiền. “Tôi cần một tuần,” gã hẹn. “Đúng vào tối này của tuần sau, ông hãy chờ tôi ở quán bar đêm nay. Hãy tới đó lúc mười giờ tối. Tôi sẽ điện thoại cho ông và cung cấp một cái tên. Ông hãy gửi số tiền còn lại đến phòng thư lưu Hargreaves ở bưu điện hạt Earls.”

Một tuần sau, Sanderson lại đến quán bar ở hạt Earls. Điện thoại reng lên vào lúc mười giờ đúng. Đó là cú điện thoại dành cho ‘Ngài Johnson’ do Hughes gọi đến.

Hughes nói nhanh: “Có một quán cà phê trên đường Miollin ở Paris. Ông hãy đến đó vào giữa trưa ngày thứ hai tuần tới. Hãy đọc tờ Le Figaro và nhớ đem theo năm nghìn bảng Anh bằng tiền mặt.”

Vào ngày thứ hai của tuần kế tiếp, Sanderson đến ngồi đọc tờ Le Figaro trong quán cà phê nằm trên đường Miollin. Vào lúc mười hai giờ năm phút, một gã đàn ông từ quầy bar đứng lên, đến ngồi cùng bàn với anh ở phía đối diện. Gã này là một dân đảo Corsica đa sạm. Gã xưng tên là Calvi và Sanderson giới thiệu tên mình là Johnson.

Họ trò chuyện trong vòng hai mươi phút. Rồi Sanderson đặt một tấm hình lên trên tờ báo. “Đây là hình của người đó,” anh giải thích. “Địa chỉ ghi ở sau lưng tấm hình. Đó là một biệt thự yên tĩnh bên bờ biển. Và việc này phải được thực hiện trong khoảng thời gian từ ba đến bốn giờ chiều của ngày thường, vì vào quãng thời gian đó người này luôn ở một mình còn những người khác thì đang nghỉ ngơi. Hiểu không?”

“Hiểu,” gã người đảo Cortisca đáp. Gã cầm lấy tấm ảnh và lật lên xem. Ở đằng sau tấm ảnh có ghi: Đại tá Archie Summers, Biệt thự San Crispin, Playa Caldera, Ondara, thành phố Alicante.

Sanderson đẩy năm khối tiền giấy qua bàn, mỗi khối là năm trăm bảng Anh bằng tiền giấy năm mươi bảng. Calvi nhanh chóng gói tiền lại bằng tờ Le Figaro. “Tôi sẽ thanh toán thêm bằng số

này khi anh thực hiện xong nhiệm vụ,” Sanderson hứa hẹn thêm. Anh viết một con số lên một mẫu giấy. “Đây là một số phon tại Paris. Hãy gọi tôi ngay khi anh thực hiện xong nhiệm vụ. Phải mất bao lâu?”

“Cho tôi hai tuần lễ,” Calvi nói.

“Rất tốt,” Sanderson nói. “Và tất nhiên là không được để xảy ra sai sót, càng không được để xảy ra hậu quả gì liên quan đến tôi.”

“Tất nhiên rồi,” Calvi hứa, “sẽ không có lời phàn nàn nào cả.”

Bước chân ra khỏi quán cà phê, Calvi ngoái nhìn đằng sau để kiểm tra xem có bị bám đuôi không. Rồi gã bắt đầu suy tính về nhiệm vụ. Gã có nên đến Tây Ban Nha rồi mới mua súng không? Hay là gã nên mang theo sẵn một khẩu bên mình? Khi đã tính toán xong, gã tìm đến hãng hàng không Iberia và văn phòng hãng du lịch Tây Ban Nha. Trên đường về nhà, gã ghé mua một quyển sách và vài vật dụng văn phòng phẩm.

Tối hôm đó, gã gọi điện cho khách sạn Metropol ở thành phố Valencia và đặt một đêm cho hai phòng đơn. Gã dùng tên ‘Calvi’ và một tên khác dựa theo một hộ chiếu giả. Gã cũng báo sẽ gửi một lá thư đến khách sạn để xác nhận yêu cầu đặt phòng của mình.

Trong lá thư xác nhận do gã viết bằng tay trái, còn có thêm một ghi chú khác nữa: “... Tôi cũng đã đặt mua một quyển sách lịch sử Tây Ban Nha. Vui lòng giữ quyển sách ấy giúp tôi cho tới khi tôi đến nơi. Ngài Calvi.”

Đó chính là quyển sách mà Calvi vừa mua chiều hôm nọ, dày cộp và nặng chịch, bên trong toàn là hình màu.

Gã mở quyển sách ra đặt trên chiếc bàn ăn và bắt đầu làm việc với một con dao bén và một cây thước kẻ. Gã khoét bỏ phần giữa của mỗi trang sách, chỉ để lại phần lề xung quanh mỗi bề rộng ba centimét. Sau một giờ đồng hồ, bên trong quyển sách trở nên giống như một cái hộp chu vi 20 x 15 x 7 centimét. Gã cẩn thận đặt vào trong hộp này một khẩu súng lục tự động hiệu Browning và một bộ phận giảm thanh.

Gã đóng quyển sách lại và đặt nó vào một phong bì nhựa trong. Tiếp theo, gã đặt tất cả vào bên trong một phong bì lớn màu nâu có đệm lót. Rồi gã viết địa chỉ ở đằng trước phong bì:

Ngài Calvi,

Thông qua khách sạn Metropol,

Thành phố Valencia,

Tây Ban Nha



Sau một giờ đồng hồ, bên trong quyển sách trở nên giống như một cái hộp chu vi 20 x 15 x 7cm.

Mười ngày sau, gã bay đến thành phố Valencia. Khi đến khách sạn Metropol, gã lấy hộ chiếu giả ra sử dụng.

“Rất tiếc là ngài Calvi không thể thực hiện chuyến đi cùng với tôi,” gã nói với nhân viên tiếp tân khách sạn, “nhưng tôi sẽ thanh toán tiền phòng của ông ta và sẽ nhận sách giúp ông ta.”

“Vâng, thưa ngài,” nhân viên tiếp tân vừa nói vừa lấy ra gói bưu phẩm được gửi đến cho người nhận là Ngài Calvi.

Trong phòng riêng, Calvi ngắm nghía khẩu súng. Thế là mọi thứ đã sẵn sàng.

Sáng hôm sau, Calvi dọn khỏi khách sạn. Gã ra sân bay và tái xác nhận chuyến bay sẽ khởi hành đến Paris vào tối hôm đó. Rồi gã đi tới bãi đậu xe và chờ đợi.

Gã để ý tìm kiếm các thương nhân hay tự lái xe đến đây để đáp chuyến bay đi Madrid. Có một số người đã lái xe vào bãi, trên mình là bộ đồ vest chỉnh tề. Họ đậu xe ở bãi và đi bộ vào sân bay tay xách cặp táp. Calvi theo chân một trong những người này đi vào sân bay.

Chờ cho ông ta làm xong thủ tục tại bàn khởi hành của chuyến bay đi Madrid, Calvi mới quay lại bãi đậu xe. Gã là một tên trộm xe chuyên nghiệp nên chẳng bao lâu đã yên vị trong xe của thương nhân nọ và lái xe ra phố thẳng tiến về thành phố Alicante.

Calvi bắt đầu lái xe hướng về thị trấn Ondara cách sân bay hai giờ đồng hồ và đến nơi vào giữa trưa. Gã hỏi thăm đường đến Playa Caldera thì được biết là phải lái ra khỏi thị trấn khoảng ba cây số nữa. Rồi gã lái xe ra bãi biển và tìm thấy biệt thự San Crispin.

Bãi biển vắng vẻ. Gã nhìn thấy có một lối vào đằng sau ngôi biệt thự khuất dưới những tàng cây cam. Qua vườn cam, gã nhìn thấy một người đàn ông đang tưới cây trong vườn. Đúng là người gã cần phải kết liễu. Duy có điều là Calvi đã đến sớm.

Thế là Calvi lái xe quay trở về thị trấn Ondara để ăn trưa. Thời tiết đang rất oi bức. Gã mừng rỡ khi thấy một đám mây đen bắt đầu che phủ mặt trời.

Ngay sau khi đồng hồ chỉ ba giờ, gã quay trở lại bãi biển. Vụ này dễ dàng hơn là hấn tưởng.

Ngay cả thời tiết cũng giúp hắn. Những đám mây đen đã che phủ khắp bầu trời và đầu đó vang lên những tiếng sấm rền. Rồi mưa bắt đầu rơi nặng hạt khi gã đang dò dẫm bước xuyên qua những cây cam để tiến dần tới đằng sau ngôi biệt thự. Trong tình hình thời tiết thế này, sẽ không một ai nghe thấy gì ngoài tiếng mưa và tiếng sấm.

Âm thanh lọc sọc của một máy đánh chữ đang phát ra từ một khung cửa sổ để mở. Vừa trông thấy người đàn ông trong tấm hình, Calvi liền rút súng ra. Khi ông ta ngược lên nhìn thì cũng là lúc Calvi chỉ còn cách ông ta có một thước. Calvi nổ súng, hai phát vào ngực và một phát vào đầu người đàn ông ấy. Công việc đã được thực hiện hoàn hảo. Gã kiểm tra cái xác để chắc chắn là người đàn ông đã chết. Chợt Calvi nghe thấy có tiếng động, hắn bèn liếc thật nhanh nhìn vào cửa phòng khách.

Trong quán cà phê nằm trên đường Miollin ở Paris, Sanderson đang thanh toán thêm hai nghìn năm trăm bảng Anh cho Calvi. “Ồn chứ?” anh hỏi tay bắn súng đảo Corsica. “Không ai trông thấy anh chứ?”

“Không,” Calvi nói, “không có nhân chứng. Đứng ra thì cũng có người bước vào khi tôi đang kiểm tra cái xác.”

“Ai thế?”, Sanderson mở to mắt hỏi trong sự kinh hãi.

“Một phụ nữ.”

“Đúng là có một phụ nữ bước vào, trông cũng dễ coi lắm,” Calvi tiếp tục nói, trong lúc nét kinh hãi đang hiện rõ trên gương mặt Sanderson. “Nhưng xin ông đừng lo lắng. Sẽ không có lời thôi gì đâu vì tôi đã bắn người đàn bà đó chết tươi.”

XÔI HỎNG BỎNG KHÔNG[2]

Chiếc phà đến từ cảng Havre nước Pháp đang tiến vào cảng Rosslare của nước Cộng hòa Ireland. Trên phà đầy ắp người và xe hơi, có cả những xe tải chất đầy hàng hóa.

Liam Clarke là một tài xế xe tải. Anh đã lên hàng ở Bỉ và bây giờ đang trên đường về nhà ở thành phố Dublin với hy vọng sẽ về đến nơi trước khi trời tối.

Khi chiếc phà đã cập bến thì các khoang chứa hàng được mở ra. Liam trèo vào chiếc xe tải Volvo sơn màu xanh lá cây pha sọc trắng của mình, nổ máy xe rồi lái lên cầu phà. Có nhiều tiếng ồn nên anh không nghe thấy tiếng gậy sắc gọn phát ra từ bên dưới xe tải.

Anh lái dọc theo cầu phà tới trạm hải quan thì tắt máy chờ. Một nhân viên hải quan đến kiểm tra giấy tờ nhập khẩu của anh. Nhân viên hải quan này chỉ vào phía dưới chiếc xe tải và hỏi: “Cái gì kia?”

Liam trèo xuống xe tải và cúi nhìn bên dưới xe. Anh ta phát hiện dầu đen đặc quánh đang từ trong máy nhều ra ròng rọc. Đã có đến nửa lít dầu loang trên đất và dầu vẫn còn tiếp tục nhều.

“Chiếc xe tải của anh sẽ không đi xa được đâu,” nhân viên hải quan khuyên. “Anh phải để nó ở đây và kêu thợ máy đến sửa thôi.”

Nhân viên sĩ quan quay sang kiểm soát những chiếc xe tải khác. Liam tới trạm điện thoại gần nhất và gọi về cho chủ ở thành phố Dublin. Anh báo cho chủ biết là chiếc xe tải đã bị hỏng máy.

“Mày phải ở lại Rosslare tối nay thôi,” người chủ quyết định. “Chờ đến sáng mai, tao sẽ gửi thợ máy và đồ phụ tùng tới.”

Vậy là Liam Clarke đành phải gửi lại chiếc Volvo màu xanh trắng của mình ở trạm hải quan rồi tìm một nhà trọ loại vừa có giường ngủ vừa có bữa sáng để qua đêm. Sáng hôm sau, anh ta quay trở lại cảng ngồi đợi. Mãi tới giữa trưa thợ máy mới đến nơi.

“Mất bao lâu thì mới sửa xong?”, Liam hỏi.

“Hai ba tiếng là xong,” tay thợ máy trả lời. “Anh sẽ về đến nhà trước khi trời tối.”

Người thợ máy bắt đầu làm việc. Khi chuyến phà chiều từ Pháp tiến vào hải cảng Rosslare thì người thợ máy cũng đang hoàn tất công việc sửa chữa.

Cao cao trên ngọn đồi nằm bên trên cảng Rosslare, có hai người đàn ông đang theo dõi chuyến phà chiều từ từ tiến vào cảng.

“Chiếc phà đã đến rồi, đúng giờ lắm,” Murphy thông báo với Brendan. “Hãy tìm chiếc xe tải sơn màu xanh lá cây pha sọc trắng đang từ dưới phà lên bờ ấy.”



"Chiếc phà đã đến rồi, đứng giữ lấy," Murphy thông báo với Brendan.

Brendan chăm chú nhìn xuyên qua một cái ống nhòm. Chiếc xe tải đầu tiên tách khỏi phà có màu nâu và mang biển số của Pháp. Chiếc tải thứ hai sơn màu xanh lá cây pha sọc trắng mang chữ TARA trên thân chiếc rờ moọc.

"Nó kìa! Đúng chiếc đó rồi!", Brendan reo lên, "Tụi mình có đi liền không?"

"Không có gì phải vội," Murphy cản lại. "Trước tiên, hãy đợi cho chiếc xe đó qua khỏi hải quan đã. Tụi mình cần tụi hải quan kiểm tra đúng là trên đó có chín nghìn chai rượu mạnh brandy Pháp thượng hạng không, phải không nào?"

"Nhiều rượu mạnh thiệt ha," Brendan nói.

"Nhiều tiền thì có," Murphy đính chính. "Tụi mình sẽ bán đi để lấy tiền chứ uống iếc cái nổi gì!"

Chiếc xe tải sơn xanh lá cây pha sọc trắng chạy vào trạm hải quan và dừng lại bên cạnh chiếc xe tải của Liam. Cả hai chiếc đều cùng màu và đều mang tên công ty TARA trên chiếc rờ moọc.

Tài xế chiếc xe tải thứ nhì đưa đầu ra khỏi cửa sổ và nói với Liam Clarke. "Đã xảy ra cái quái quỷ gì với cậu hả Liam?"

"Xe tao bị pan," Liam nói, "nhưng giờ đã sửa xong rồi." Liam quay sang hỏi nhân viên hải quan. "Tôi đi được chưa?"

"Được rồi, đi được rồi," nhân viên hải quan nói.

Liam lái chiếc tải nặng chịch bò ra khỏi cảng và đi về hướng bắc dọc theo con lộ dẫn về thành phố Dublin. Anh không để ý là có một chiếc Ford Granada đang bám sau anh chở theo hai tên Murphy và Brendan.

"Thằng này qua khỏi trạm hải quan nhanh thiệt," Brendan khoái chí.

"Đúng là nhanh thiệt," Murphy hưởng ứng. "Mày dừng lại ở trạm điện thoại kế tiếp cho tao."

Chúng dừng lại để Murphy gọi điện thoại. "Chiếc tải đang trên đường đến," Murphy thông báo trong điện thoại với hai đứa còn lại trong băng. "Tụi bay phải sẵn sàng đi là vừa."

Chiếc Granada màu đen theo đuôi chiếc tải của Liam được vài cây số đường thì rẽ quặt vào một đường đất nhỏ. Ở đây, Murphy và Brendan nhanh chóng khoác lên người bộ đồng phục quân cảnh. Rồi chúng dán hai dải plastic màu đen lên hai bên hông chiếc xe hơi, trên mỗi dải plastic có in chữ GARDA màu trắng. Chiếc Ford Granada đen bây giờ trông giống hệt như một xe quân cảnh.

Murphy và Brendan tăng tốc rượt cho kịp chiếc tải màu xanh pha sọc trắng. Chúng lái theo sau chiếc tải thêm vài cây số nữa, chờ đợi đến đúng thời điểm. Chẳng bao lâu chúng trông thấy một biển giao thông mang dòng chữ “BÃI ĐẬU XE CÁCH 1KM”.

“Đến giờ rồi!” Murphy nói. Chiếc xe hơi bèn phóng nhanh hơn và vượt qua chiếc xe tải.

Liam Clarke nhìn sang chiếc quân cảnh đang vượt qua mình thì thấy có một người mặc quân phục cảnh sát vẫy tay bảo anh dừng lại. Đúng lúc ấy, anh cũng vừa trông thấy biển giao thông trên đường. Thế là anh đành giảm tốc độ, đưa xe vào bãi đậu và ngừng máy.

“Anh hãy kiểm tra bánh xe sau của anh kìa,” một trong hai người mặc quân phục cảnh sát vừa nói vừa bước ra khỏi chiếc xe hơi mang dòng chữ GARDA.

Liam ra khỏi xe tải và đi theo viên cảnh sát vòng ra đằng sau. Thành linh, có hai gã đàn ông nhảy ra từ bụi cây bên đường và vỗ lấy anh.

Chúng dán băng keo lên cả miệng lẫn hai mắt rồi quấn chặt cả hai tay của Liam bằng băng keo. Sau đó, chúng đẩy anh lên đằng sau chiếc xe quân cảnh.

Murphy và Brendan nhanh chóng tháo nhãn GARDA ra khỏi chiếc xe đen. Đồng thời, chúng cởi bỏ chiếc mũ quân cảnh và áo khoác ngoài, ném đại những thứ này vào đằng sau xe, trúng cả lên người của Liam.

Murphy xoay sang hai tên còn lại trong băng. “Tụi bay lái chiếc tải này đến nông trại,” hăn ra lệnh. “Bọn tao sẽ gặp tụi mày ở đó.”

Murphy và Brendan đi trước trên chiếc xe hơi đen. Hai tên còn lại trèo lên chiếc xe tải và đi theo phía sau.

Nông trại ở sâu tít bên trong, cách xa đường lộ chính, nằm chạy dài theo một con đường mòn lầy lội và có một nhà kho chứa thóc rộng lớn nằm ngay bên cạnh. Brendan xô Liam Clarke ra khỏi chiếc xe hơi rồi tổng anh vào trong căn bếp của ngôi nhà dành cho chủ nhân nông trại. Chiếc tải thì chạy thẳng vào trong kho thóc, xong xuôi bọn chúng đóng cửa nhà kho lại. Sau đó, bốn tên cùng vào trong ngôi nhà và bắt đầu ngồi đợi.

Từ sáu giờ trở đi, trời bắt đầu tối sầm lại. Vào lúc tám giờ, Murphy đi ra phía cuối con đường mòn, tay giơ cao một chiếc đuốc. Bốn chiếc van mang biển số Bắc Alien đang từ từ bò đến trên con đường mòn, rồi ngừng lại ở phía trước căn nhà kho. Một gã to lớn bước xuống từ một trong những chiếc van, tay xách theo một chiếc cặp nhỏ.

“Mấy người đã có sẵn rượu brandy chưa?”, gã to lớn đến từ Bắc Alien hỏi.

“Có rồi,” Murphy đáp: “Đang để trong nhà kho. Tôi chưa hề đụng tới nó.”

“Tốt,” gã đến từ phương Bắc nói. Hăn xoay sang người của mình ra lệnh. “Dỡ hàng xuống!” Rồi hăn nói với Murphy. “Chúng ta hãy đi vào bên trong.”

Trong ngôi nhà chủ nhân nông trại, gã người phương bắc mở chiếc cặp nhỏ bên trong chứa đầy những tờ giấy bạc mười bảng Anh.

“Chín nghìn chai rượu brandy với giá bốn bảng Anh một chai, như vậy tổng cộng là ba mươi sáu nghìn bảng Anh,” Murphy ra giá.

“Ba mươi lăm thôi,” gã phương bắc trả giá.

Murphy không cò kè thêm tiếng nào.

Một trong những gã người phương bắc xuất hiện ở cửa và nói với tên chủ. “Ông chủ nên đến

xem tận mắt thì hơn.”

Gã to lớn đóng phắt chiếc cặp nhỏ lại và xách theo ra bên ngoài.

Murphy theo chân gã to lớn tới căn nhà kho. Sáu tên nọ đang soi đuốc chiếu sáng bên trong chiếc xe tải chất đầy những bao tải nhựa.

“Thằng tài xế đâu?” gã to lớn giận dữ hỏi.

Murphy dẫn gã người phương bắc vào bếp. Liam Clarke, tài xế chiếc xe tải, đang ngồi chốc ngốc trong góc với băng keo dán kín mắt và miệng.

“Mày chở cái giống gì trong xe tải của mày vậy?” gã to lớn vừa gỡ băng keo khỏi miệng Liam vừa lớn tiếng hỏi.

“Mấy bao tải phân,” Liam nói. “Trên giấy tờ hải quan có ghi rõ mà.”

Gã to lớn vồ lấy đồng giấy tờ từ trên tay Murphy và nhìn vào tờ khai hải quan. “Mày vẫn chưa xem cái này phải không, đồ ngu?” gã hỏi Murphy.

Murphy hoảng hốt. “Chỉ có một chiếc tải TARA xuống phà từ Pháp thôi mà,” hắn phân bua. “Chúng tôi biết có rượu brandy trên chiếc tải đó, theo nguồn tin nhận được từ Pháp. Coi chừng có rượu brandy ở bên dưới phân không?”

“Rượu brandy á?”, Liam ngạc nhiên, “Tại sao các ông lại nghĩ là có rượu brandy? Tôi đang chở cả đồng phân, chỉ toàn là phân thôi.”



“Mày chở cái giống gì trong xe tải của mày vậy?” gã to lớn vừa gỡ băng keo khỏi miệng Liam vừa lớn tiếng hỏi.

Gã to lớn xoay sang Murphy. “Hãy nghe đây,” gã hăm he, “mày đã làm mất thời gian và tiền bạc của bọn tao. Nếu mày còn để cho chuyện này xảy ra một lần nữa, thì mày liệu hồn đấy! Mày có hiểu tao nói gì không?”

Gã to lớn bước ra ngoài và ra lệnh cho người của hắn lên xe. Trong vòng năm phút, những gã phương bắc đã biến đi mất dạng.

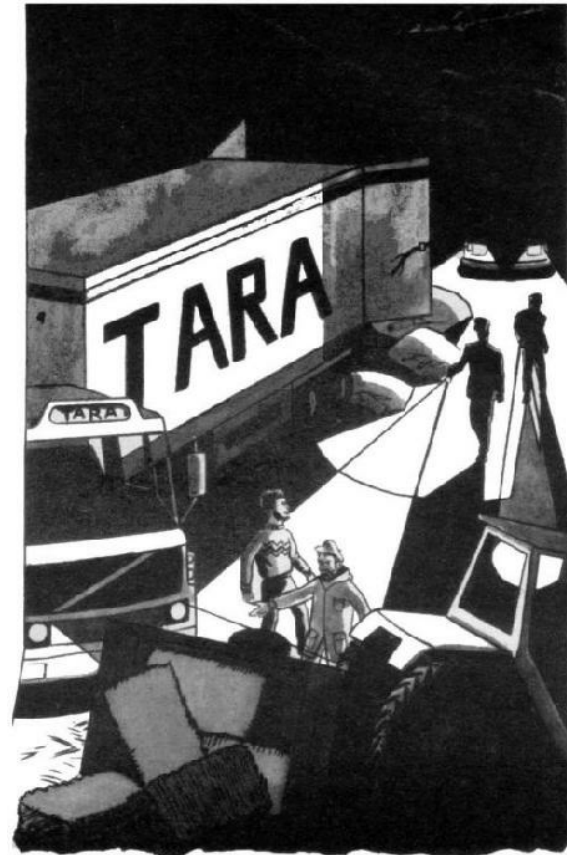
“Bây giờ chúng ta làm gì?”, Brendan hỏi Murphy.

“Mày đem thằng tài xế xe tải đi và bỏ hắn bên con lộ chính dẫn tới thành phố Dublin,” Murphy phân công. “Tao sẽ lái chiếc tải đi giấu trên đồi. Rồi chúng ta sẽ gặp lại nhau ở Dublin vào ngày mai.”

Các cánh cửa che rờ moọc xe tải đã bị vỡ. Murphy bèn chữa cháy bằng cách đóng một thanh gỗ chắn ngang. Rồi hắn lái chiếc tải theo những con đường làng nhỏ hẹp dẫn lên khu đồi.

Đó là một đêm tối trời nên Murphy không nghĩ là sẽ có xe cộ gì đi lại trên đường làng. Nhưng thành linh, bỗng xuất hiện ngay trước mũi hắn là một xe kéo công nông nê theo sau là cả một khối rơm. Murphy cố thắng chiếc tải lại, nhưng đã quá trễ.

Chiếc tải tông vào khối rơm và cái rờ moọc đằng sau xe quay ngoắt lại, va vào một bức tường đá. Thế là người nông dân bị hất văng khỏi chiếc xe kéo, còn đằng trước chiếc tải thì bị phủ đầy rơm.



Chiếc tải tông vào khối rơm và cái rờ moọc đằng sau xe quay ngoắt lại, va vào một bức tường đá.

Murphy đẩy bật cửa chiếc xe tải và trèo ra ngoài. Người nông dân đang nằm vạ trên đường, vừa kêu la vừa chửi thề, dù trên mình không thương tích. Murphy đang chạy đến giúp anh chàng nông dân thì thấy có ánh đèn pha rọi tới từ một chiếc xe hơi trên mui có gắn đèn màu xanh dương. Thì ra đó là một chiếc quân cảnh.

Sự kiện này đúng là lạ lùng đến ngạc nhiên. Chiếc quân cảnh làm gì mà giờ này phải lặn lội trong đêm tối ở cái chốn khỉ ho cò gáy này?

Hai viên cảnh sát ra khỏi xe để đến xem xét chiếc xe kéo công nông và chiếc tải. “Cho chúng tôi xem giấy tờ của ông,” một viên cảnh sát bảo Murphy. Murphy đưa giấy tờ hải quan của Liam Clarke cho họ và chờ đợi trong im lặng.

Anh chàng nông dân vẫn tiếp tục rống họng kêu la và chửi thề cho đến khi viên cảnh sát tuyên bố: “Chiếc xe kéo công nông này không có đèn. Lái máy kéo công nông không đèn là phạm luật.”

Anh chàng nông dân câm bật ngay. Giờ đây, viên cảnh sát chú ý đến anh ta hơn là chú ý đến Murphy.

“Anh hãy dọn chỗ rơm này cho sạch đường đi,” viên cảnh sát yêu cầu. “Anh không được phép lái chiếc xe kéo này đâu, nhưng anh có thể đặt qua một bên để chiếc tải này đi qua.”

Murphy mừng khắp khởi.

“Hàng của anh là hàng gì?” một trong hai viên cảnh sát hỏi.

“Là phân bón,” Murphy đáp.

Viên cảnh sát cười. “Đúng rồi. Có mấy cái bao tải rơi xuống ở cửa sau. Hãy chất chúng lên xe, xong thì anh có thể đi được.”

“Cảm ơn,” Murphy vừa nói vừa đi ra phía sau xe tải nơi mà cánh cửa rờ moọc đang mở toang hoác. Có một số bao tải lớn đã bị bật tung ra. Những viên cảnh sát cầm đuốc rọi lên những bao tải đang nằm trên lối đi.

“Cái gì đây?”, một trong những viên cảnh sát ngạc nhiên hỏi.

Dưới ánh đuốc, Murphy nhận ra không chỉ có phân bón trong những bao tải đã bị bật tung. Hắn còn trông thấy một khẩu súng bazooka^[3] và vài khẩu súng máy.

Murphy thở một hơi thật sâu. Có những hôm mọi việc cứ trật lất thế này. Gã đã mưu đồ cố gắng đánh cướp bằng được chín nghìn chai rượu brandy Pháp. Thay vào đó, hắn lại vớ nhầm một lô súng máy. Và gã biết là chủ sở hữu lô súng máy này sẽ không hài lòng chút nào về sự cố này. Đột nhiên, gã cảm thấy an toàn hơn khi đã đụng đầu với cảnh sát.

MỘT SẮP XẾP HOÀN HẢO[4]

Ông Timothy Hanson đang ngồi trong phòng mạch của vị bác sĩ riêng tại một dưỡng đường sang trọng ở Luân Đôn. Vị bác sĩ đã thực hiện nhiều xét nghiệm và chụp đi chụp lại nhiều phim X-quang cho ông.

“Tôi rất lấy làm tiếc phải nói với ông điều này, thưa ông Hanson,” vị bác sĩ nói, “ông đã bị ung thư ở giai đoạn cuối và chỉ còn sống được sáu tháng nữa.”

Ông Timothy Hanson mỉm cười với vị bác sĩ và nói: “Cảm ơn bác sĩ đã cho tôi biết điều này.” Rồi ông đứng lên bắt tay vị bác sĩ và rời khỏi dưỡng đường.

Một chiếc Rolls Royce đang chờ ông Timothy Hanson ở bên ngoài dưỡng đường. Anh tài xế vừa mở cửa xe cho ông vừa hỏi: “Tối vẫn phòng phải không, thưa ông Hanson?”

“Không,” ông Hanson đáp. “Hãy đưa tôi về nhà.”

Chiếc xe hơi rẽ về hướng đông. Phóng tầm mắt qua khung cửa sổ, ông Timothy Hanson ngắm nhìn từng tòa cao ốc, từng cửa hàng và văn phòng nằm ở khu trung tâm Luân Đôn. Ông chợt nghĩ đến tất cả số cao ốc ông đang sở hữu và toàn bộ số tiền của mà ông đang nắm giữ. Dù giàu có là thế nhưng ông cũng không tránh khỏi cái chết đang đến gần.

Ta phải lập chúc thư thôi - ông thầm nghĩ.

Khi xe bắt đầu đi xuyên qua khu Đông Luân Đôn, nhà cửa phố xá dần trở nên nghèo nàn. Đang đi thì xe phải dừng lại trên phố Old Kent vì có một bày trẻ đang nối đuôi nhau băng qua đường. Có hai nữ tu sĩ đi dẫn đầu, còn hai nữ tu khác thì đi đoạn hậu ở đằng sau bày trẻ.

Có một cậu bé ngừng lại ngay giữa đường và giương to mắt nhìn trân trối vào chiếc Rolls Royce. Cậu bé đầu đội mũ lưới trai đồng phục có chữ viết tắt ‘St. B.’ trên mũ, tóc tai nhếch nhác và quần áo cũng nhếch nhác không kém. Cậu bé nhìn chăm chăm vào người đàn ông đầu bạc đang ngồi chễm chệ trong chiếc Rolls Royce sang trọng. Rồi cậu giơ ngón cái tay phải lên chạm mũi và lắc lư các ngón tay còn lại với ông Timothy Hanson.



Ông đặt ngón cái tay phải lên mũi và lắc lư các ngón tay còn lại.

Ông Timothy Hanson đáp lại cái nhìn của cậu bé, rồi đặt ngón cái tay phải lên mũi và lắc lư các ngón tay đáp lại. Anh tài xế nhìn ông ngạc nhiên. Cậu bé ở giữa lộ cũng ngạc nhiên và nở rộ một nụ cười hết cỡ làm bừng sáng cả gương mặt.

Chỉ một giây sau, một nữ tu trẻ tiến đến kéo cậu bé qua đường. Chiếc Rolls Royce lại tiếp tục lướt về hướng trang viên của ông Timothy Hanson.

Ông Timothy Hanson vẫn đang suy tính về việc lập chúc thư. Ông sẽ để tiền bạc của mình lại cho ai đây? Bất kỳ ai nhận tiền của ông đều sẽ phải đóng thuế nặng cho nhà nước. Vợ ông đã qua đời mà ông thì không có con cái. Thân bằng quyến thuộc chỉ còn một người là cô em gái, vừa xấu tính lại cưới phải một người chồng chẳng tử tế gì hơn để rồi sinh ra một thằng con không ra gì.

Trước mắt, ông Timothy Hanson chỉ có sáu tháng để sắp xếp công việc hậu sự cho mình.

Sáu tháng sau, ông bà Armitage cùng con trai là Tarquin đến ngồi ở văn phòng luật sư trong trang phục màu đen, bởi ông Timothy Hanson vừa mới qua đời.

Vị luật sư bước vào phòng và ngồi xuống, trên tay cầm một phong bì to đùng. Ông ta lên tiếng: “Ngài Hanson muốn quý vị nghe bản di chúc này ngay sau khi ngài qua đời.”

“Sao? Chỉ có ba chúng tôi thôi ư?”, ông Armitage thắc mắc.

“Vâng,” vị luật sư trả lời. “Theo tôi được biết thì quý vị đây là những người thân duy nhất của ngài Hanson.”

“Thế thì toàn bộ tiền bạc của cậu đều thuộc về chúng ta rồi,” Tarquin không giấu giếm lòng tham.

“Im miệng đi, nhóc,” bà Armitage mắng con.

“Chúng ta hãy nghe đọc di chúc ngay đi,” Tarquin hối thúc.

Vị luật sư cẩn thận mở chiếc phong bì lớn, bên trong là một phong bì khác cùng với một tờ giấy. Ông ta bắt đầu với tờ giấy. “Đây là ý nguyện sau cùng và là di chúc của tôi, Timothy John Hanson, là...”

“Mấy chuyện đó thì chúng tôi biết cả rồi,” ông Armitage không giấu được sự sốt ruột.

“Để nghe tiếp cái nào,” bà Armitage gắt.

“Nói xem chúng tôi nhận được bao nhiêu tiền,” Tarquin Armitage háo hức.

Vị luật sư tiếp tục: “Có một phong bì đính kèm trong đó có năm nghìn bảng Anh. Số tiền này dùng để trang trải chi phí tang ma cho tôi và chi phí luật sư. Phần tài sản còn lại tôi để cho em gái, em rể và cháu trai Tarquin, sau khi...”

“Là bao nhiêu?”, ông Armitage nhanh nhẩu hỏi.

“Tôi không biết,” vị luật sư đáp.

“Ông phải biết chứ,” bà Armitage nói.

“Đúng rồi, ông phải biết chứ,” Tarquin Armitage để vào:

“À...,” vị luật sư ước chừng, “phần tài sản có thể trị giá đến ba triệu bảng Anh.”

“Lạy Chúa tôi,” ông Armitage kêu lên. “Thế chúng tôi sẽ phải đóng thuế chính phủ là bao nhiêu?”

“Khoảng sáu mươi lăm phần trăm,” vị luật sư đáp.

“Như vậy thì trừ thuế đi chúng ta chỉ còn lại một triệu!” Tarquin Armitage kêu lên.

“Khoảng một triệu,” luật sư xác nhận. “Bây giờ, xin phép cho tôi đọc đoạn còn lại của di chúc.”

“Hãy đọc tiếp đi,” bà Armitage nói. “Trong đó viết gì thế?”

“... sau khi tôi chết đi,” vị luật sư đọc tiếp, “tôi muốn được thủy táng. Tôi đã chuẩn bị sẵn một cỗ quan tài bằng chì đặc biệt cho việc thủy táng này và những người thân của tôi sẽ đứng ra tổ chức tang lễ. Tôi muốn được an táng dưới đáy biển tại vùng biển Devon cách đất liền 30km về hướng nam.”

“Anh ấy muốn được an táng ở ngoài biển, trong một cỗ quan tài bằng chì đặc biệt à?”, bà Armitage hỏi lại. “An táng ngoài biển như thế thì có hợp pháp không?”

“Hoàn toàn hợp pháp, thưa bà,” luật sư nói. “Nhưng còn một điều nữa.”

“Điều gì nữa?”, bà Armitage hỏi.

“Những người thân của tôi sẽ nhận di sản của tôi ngay sau ngày tang lễ,” vị luật sư tiếp tục đọc. “Đồng thời, họ cũng phải đồng ý làm theo đúng theo lời dặn của tôi. Nếu họ không chịu làm đúng như vậy thì toàn bộ tài sản của tôi sẽ thuộc về nhà nước.”

“Bấy nhiêu đó là đã hết chưa?”, bà Armitage sốt ruột.

“Vâng, chỉ chừng đó thôi,” vị luật sư đáp. “Quý vị có đồng ý làm theo lời dặn của anh trai quý vị không?”

“Ừm, tôi cũng chưa biết nữa,” bà Armitage ngần ngừ. “Nhưng nếu tôi đồng ý làm thì chi phí sẽ hết bao nhiêu?”

“Số tiền này dùng để chi cho việc đó,” vị luật sư vừa nói vừa giơ cao chiếc phong bì trong đó có chứa năm nghìn bảng Anh. “Nếu quý vị không đồng ý, quý vị sẽ không nhận được tài sản của anh trai quý vị. Toàn bộ tiền bạc của ông ấy sẽ được sung vào công quỹ của nhà nước.”

“Tôi đồng ý,” bà Armitage quyết định ngay.

Một tuần sau, cả gia đình Armitage cùng có mặt trên một chiếc tàu đánh cá nhỏ. Biển động nên những người trong gia đình Armitage đều bị say sóng. Cùng hiện diện trên tàu còn có vị luật sư và một linh mục. Xác của ông Timothy Hanson đã được liệm trong cỗ quan tài bằng chì nặng chịch trước khi chuyển lên tàu, và hiện giờ đang nằm chễm chệ trên boong.

“Bây giờ chúng ta đang tiến đến vùng nước sâu,” viên thuyền trưởng thông báo. Cỗ quan tài được dời đến mép boong tàu. Gia đình Armitage đứng xung quanh và vị linh mục bắt đầu đọc kinh cầu nguyện.

Cỗ quan tài chì rất nặng nên tất cả mọi người có mặt phải cùng hợp sức để đẩy nó ra khỏi mép boong tàu.



Tất cả mọi người phải cùng hợp sức để đẩy cỗ quan tài ra khỏi mép boong tàu.

Cuối cùng thì cỗ quan tài cũng được đẩy ra khỏi boong, rơi tồm xuống biển làm nước bắn lên tung tóe. Thế là xong, con tàu dong buồm quay về cảng.

“Chúng tôi muốn biết sớm chừng nào hay chừng đó là chúng tôi nhận được bao nhiêu tiền?”, bà Armitage nhắc nhở.

“Tôi sẽ thông báo cho quý vị biết ngay khi có thể,” luật sư trả lời.

Hai tuần lễ sau, bà Armitage lại có mặt ở văn phòng luật sư cùng với chồng và con.

“Có một rắc rối,” vị luật sư nói với họ.

“Chẳng lẽ ông vẫn chưa tính được tài sản của anh tôi trị giá bao nhiêu sao?”, bà Armitage giận dữ hỏi.

“Không phải thế,” luật sư trả lời. “Tôi biết trị giá trước đây của số tài sản mà anh trai quý vị để lại chứ.”

“Trước đây ư?”, bà Armitage la lớn, “Ông nói vậy là có ý gì?”

“Ừm, trước khi qua đời thì ngài Hanson đã bán hết mọi thứ,” vị luật sư giải thích.

“Rồi cậu tôi đã làm gì với số tiền đó?”, Tarquin Armitage thắc mắc.

“Ông ấy đã gửi số tiền đó vào ngân hàng,” luật sư trả lời.

“Rồi bây giờ số tiền đó đang ở đâu?”, ông Armitage hỏi.

“Vấn đề là ở chỗ đó,” luật sư nói, “ông ấy đã rút tiền ra khỏi ngân hàng.”

“Bao nhiêu vậy?”, bà Armitage nôn nóng.

“Ba triệu bảng Anh,” luật sư đáp.

“Rồi số tiền đó bây giờ ở đâu?”, Tarquin gần như mất bình tĩnh.

“Tôi không biết,” luật sư trả lời.

Cả phòng lặng yên như tờ và gia đình Armitage đang trong cơn choáng váng.

“Anh ta đã đem giấu nó đi,” bà Armitage rên rỉ. “Anh ta đã đem giấu cả ba triệu bảng Anh của tôi rồi.”

“Tất nhiên là chính quyền sẽ cố gắng tìm cho ra số tiền đó,” luật sư trấn an. “Hãy nhớ là trong đó có sáu mươi lăm phần trăm là tiền thuế của nhà nước mà.”

“Làm sao chúng ta tìm ra số tiền đó đây?”, ông Armitage bắn khoăn. “Chúng ta có thể thuê thám tử tìm giúp không?”

“Dĩ nhiên là được,” luật sư nói. “Nhưng quý vị sẽ phải chịu phần chi phí thuê thám tử đấy.”

“Hừm... được,” ông Armitage nói. “Đồng ý. Chúng tôi đồng ý trả khoản chi phí đó.”

“Vậy thì để tôi lo liệu việc đó,” luật sư gút lại.

Một tháng sau, tất cả lại có mặt ở văn phòng luật sư. Cùng tiếp họ là vị luật sư và một thám tử.

“Đây là ông Miller,” luật sư giới thiệu. “Ông ấy đã khám phá ra một phần câu chuyện, biết được số tiền sau khi được anh trai quý vị rút khỏi ngân hàng đã đi đến đâu, nhưng vẫn chưa tìm biết được rốt cuộc thì số tiền ấy hiện ở đâu.”

“Hãy cho chúng tôi biết chuyện xảy ra như thế nào?”, bà Armitage yêu cầu.

Ông Miller đứng lên kể: “Thoạt đầu, tôi cho rằng ông anh của quý vị đã dùng tiền đó để mua một thứ gì đó.”

“Mua thứ gì? Vàng ư, hay là kim cương?”, bà Armitage bồn chồn.

“Ồ, vâng, tôi cũng suy đoán như thế,” ông Miller đáp. “Nhưng tôi đã lầm vì ông ấy không mua vàng cũng không mua kim cương. Ông anh của bà đã mua bạch kim.”

“Bạch kim ư?”, bà Armitage thắc mắc. “Tại sao lại là bạch kim?”

“Bởi vì trữ nhiều vàng là bất hợp pháp,” ông Miller giải thích. “Nhưng không có điều luật nào cấm việc cất giữ số lượng lớn bạch kim, trong khi bạch kim lại có giá trị tương đương vàng.”

“Thế anh ấy cất giữ số bạch kim này ở đâu?”, ông Armitage thắc mắc.

“Tại trang viên của mình ở hạt Kent,” ông Miller nói. “Ông ấy có một nhà xưởng phía sau ngôi nhà cùng với một lò luyện kim nhỏ.”

“Anh có nghĩ là ông ta đã dùng cái lò luyện kim đó để nấu chảy bạch kim không?” vị luật sư xen vào.

“Tôi dám chắc là ông ta đã làm điều đó,” ông Miller trả lời. “Bạch kim là một kim loại cực kỳ nặng, cũng giống như vàng hay chì vậy. Chuyển dịch cả một số lượng bạch kim lớn như vậy là vô cùng khó, thế nhưng tôi vẫn tin rằng ngài Hanson đã nấu chảy số kim loại này rồi đúc thành vật gì đó có hình dạng như cái hộp hay cái thùng chứa chẳng hạn.”

“Hay là một cỗ quan tài!” bà Armitage tru tréo lên khi chợt nhớ đến tang lễ lạ lùng của anh trai

cùng với cỗ quan tài ‘chì’ nặng chịch. “Cái thằng cha khốn kiếp đó đã đem hết tiền bạc xuống tận đáy biển sâu rồi!”

Một gã buôn phế liệu đang hân hoan rảo bước về hướng ngân hàng, sau khi vừa bán xong một lượng lớn các thỏi bạch kim. Cách đây ba tháng, gã đã mua được số thỏi bạch kim đó từ một ông già đầu bạc. Vì ông già đầu bạc không muốn nộp thuế cho chính phủ, nên gã đã ép giá thật bèo và chịu thanh toán bằng tiền mặt, không thắc mắc gì mà cũng không màng đến họ tên của ông già đầu bạc. Trong thương vụ này, cả hai bên đều vui vẻ vì gã nhà buôn này đã lời được hàng nghìn bảng Anh khi bán lại số kim loại đó.

Tại những vùng khác nhau của vương quốc Anh, có bốn gã buôn phế liệu khác cũng đang sướng rơn lên. Cách đây chừng ba tháng, bọn họ đều đã mua bạch kim của một ông già đầu bạc và thanh toán bằng tiền mặt. Bọn họ ai cũng lời to khi bán lại chỗ kim loại đó. Chẳng ai trong bọn họ để tâm vận vẹo người bán, thành ra giờ đây không ai có thể lòng ra số kim loại đó.

Một ngày trước lễ Giáng sinh, có một vị luật sư từ đảo Guernsey đến thăm viện mồ côi Saint Benedict nằm trên đường Old Kent ở khu Đồng Luân Đôn để tìm gặp Mẹ Bề Trên. Khi bước vào phòng làm việc của Mẹ Bề Trên, ông ta trao cho bà một chiếc phong bì.

“Con được giao phó nhiệm vụ trao lại cho Mẹ phong thư này,” người luật sư nói, “nhưng con không được nói cho Mẹ biết là ai đã bảo con làm điều này.”

“Đó là cái gì vậy?”, Mẹ Bề Trên hỏi.

“Một tờ chi phiếu,” luật sư đáp. “Là chi phiếu do một ngân hàng ở đảo Guernsey phát hành. Số tiền này thuộc về viện mồ côi.”

“Vì sao lại đến từ đảo Guernsey?”, Mẹ Bề Trên nghi ngại.

“Luật ở đảo Guernsey khác với luật ở nước Anh”, luật sư giải thích. “Số tiền này không phải đóng thuế. Và bây giờ xin Mẹ vui lòng ký vào những giấy tờ này.”

Khi người luật sư đi khỏi, Mẹ Bề Trên nhìn lại tám chi phiếu. Những hai triệu năm trăm nghìn bảng Anh. Một số tiền quá lớn, Mẹ không thể nào tin được đây lại là sự thật.



"Đó là cái gì vậy?" Mẹ Bé Tròn hỏi.

Giờ Mẹ sẽ làm gì với số tiền nhiều như vậy? Lúc nào Mẹ cũng ao ước chuyển viện mồ côi này về vùng thôn quê, xa khỏi khu Đông Luân Đôn này kia mà. Bất chợt Mẹ lướt mắt qua mục rao vặt về mua bán bất động sản trên tờ báo buổi sáng để trên bàn - "Cần bán một trang viên ở hạt Kent, năm mẫu đất thổ viên, sở hữu chủ trước đây là ông T.J. Hanson."

PHÁN XỬ CÔNG BẰNG[5]

Chuyện xảy ra đã được năm mươi năm, lần đó thẩm phán Comyn đang ngồi đọc tờ thời báo Irish Times trong căn buồng hạng nhất trên xe lửa. Chiếc xe lửa sắp rời thành phố Dublin để làm cuộc hành trình dài bốn tiếng đồng hồ đến thành phố Tralee là nơi mà Tòa án địa phương đang đợi vị thẩm phán Comyn đến phán xử.

Một gã đàn ông nhỏ thó xuất hiện, bước vào trong toa đến ngồi đối diện với vị thẩm phán. Vừa lúc chiếc xe lửa đang chuyển mình sắp rời khỏi ga thì một linh mục có khuôn mặt đỏ gay vừa thở hổn hển vừa tất tả bước vào trong toa cùng ngồi với họ.

“Suýt nữa thì Cha hụt mất chuyến này rồi, thưa Cha,” gã đàn ông nhỏ thó bắt chuyện.

“Đúng vậy, con ạ,” vị linh mục trả lời. “Cha phải chạy mới bắt kịp đấy.”

Thoạt đầu cả ba người khách lạ đều im lặng. Vị thẩm phán ngồi đọc một số tài liệu pháp luật mà ông đã trải ra trên chiếc bàn ở ngay trước mặt.

“Xin lỗi ông,” gã đàn ông lên tiếng. “Ông vui lòng cho tôi sử dụng một góc bàn nhé!”

“Ông cứ tự nhiên,” vị thẩm phán đáp.

“Cảm ơn ông,” gã đàn ông nhã nhặn nói. Vừa nói gã vừa rút một bộ bài ra khỏi túi và bắt đầu chơi bài một mình ngay trên bàn.

Vị thẩm phán cố gắng chú ý vào mớ tài liệu pháp luật của mình, nhưng ông vẫn không thể không chú ý đến ván bài một mình của gã kia. Ông thấy khó chịu vì gã đàn ông nhỏ thó này chơi bài tệ quá.

Sau cùng, vị thẩm phán phải lên tiếng. “Đặt con giẻ đó lên trên con đầm thì mới kết thúc được ván bài.”

“Cảm ơn ông,” gã đàn ông nói. “Cả đời tôi chưa bao giờ đi hết ván bài một mình nào cả.”

Vị linh mục bỏ sách xuống để xem phần cuối ván bài.

“Anh làm được mà, sẽ làm được mà,” thẩm phán nói. “Đặt con chín đỏ lên con mười đen đi. Đây, thấy chưa, anh kết thúc được ván bài rồi đấy.”

“Nhưng đó là nhờ công ngài đã mách nước,” gã đàn ông nói. “Phải công nhận là ngài chơi bài cừ lắm.”

“Cảm ơn anh,” vị thẩm phán gật gù đáp, trong lòng không khỏi dâng lên cảm giác tự đắc.

Gã đàn ông nhỏ thó bắt đầu chia bài thành các tụ xì phé nằm trên bàn. Gã ngắm nhìn từng tụ bài thật cẩn thận rồi lại đặt chúng xuống bàn.

Sau một lúc, gã bắt đầu chán với chuyện chơi bài xì một mình. Gã buông tay để các lá bài rơi xuống bàn. “Đường đến Tralee còn xa quá nhỉ,” gã cất giọng than vãn.

“Tôi thấy anh đang chia bài xì phé mà,” vị thẩm phán tỏ ra đồng cảm. “Hay là chúng ta cùng chơi vài ván nhé.”

“Ồ thế thì hay quá,” gã đàn ông nhỏ thó mừng rỡ. “Tên tôi là O'Connor.”

“Còn tôi là Comyn,” thẩm phán tự giới thiệu.

Họ bắt đầu chia bài thành các tụ rồi tập trung nhìn vào các lá bài của mình. Lẽ dĩ nhiên là họ chơi bài không ăn tiền.

“Chúng ta cần có cách nào đó để tính xem ai thắng chứ,” O'Connor nói.

“Tôi có một ít que diêm đây,” thẩm phán Comyn nêu ý kiến.

“À, đúng là cái chúng ta cần,” O'Connor tán đồng. Vị thẩm phán rút diêm ra chia cho mỗi bên

hai mươi que.

Chơi bài xì mà chỉ có hai người thì quả là khó chơi. Được một lúc, O'Connor lên tiếng rủ rê cả ông linh mục. "Thưa Cha, Cha có muốn chơi với chúng con không!"

"Ồ, không đâu," vị linh mục có khuôn mặt đỏ gay cười lớn tiếng. "Cha đâu có biết chơi bài."

"Có gì khó đâu, thưa Cha," O'Connor nói. "Ở mỗi ván Cha sẽ được chia cho năm lá bài. Đầu ván bài, Cha có quyền xin đổi ba lá bài để được tụ bài tốt hơn. Nếu tụ của Cha tốt rồi thì Cha có thể tổ, còn nếu bài của Cha xấu thì Cha xếp bài lại, nghĩa là Cha bỏ cuộc không tham gia tổ bài nữa."

"Tổ bài ư?", linh mục ngớ ngàng. "Nghĩa là chơi ăn tiền à?"

"Ồ không đâu, thưa Cha," O'Connor mỉm cười. "Chúng con chỉ chơi bằng que diêm thôi mà."

"Nhưng Cha đâu có biết thế nào là bài tốt, bài xấu đâu," vị linh mục tiếp tục băn khoăn.

"Để con sẽ viết tên các tụ bài ra cho Cha," O'Connor vừa nói vừa rút từ trong túi ra một cây bút chì và một tờ giấy. "Cha cứ để tờ giấy này trên bàn để đối chiếu xem bài của mình tốt hay xấu."

"Thôi được rồi," vị linh mục quyết định. "Cha chỉ chơi ăn que diêm thôi đấy nhé."

Hai ván đầu, gặp phải tụ bài không tốt nên vị linh mục xếp bài lại ngồi xem hai người kia tổ lẫn nhau. Ông thậm phán thắng được bốn que diêm. Song, đến ván thứ ba thì khuôn mặt vị linh mục bỗng sáng lên.

"Tụ này mà không tốt sao?", vị linh mục vừa hỏi vừa chìa ra ba con bồi và hai con già.

Vị thẩm phán lộ vẻ bức bối và đặt các lá bài xuống bàn.

"Ôi, Cha ời," O'Connor thì thào. "Bài của Cha tốt thật đấy nhưng chừng nào chúng ta tổ xong Cha mới được cho xem bài chứ."

"Ồ thế à, Cha xin lỗi," linh mục nói.

Họ chơi với nhau đã được một giờ đồng hồ. Ông thẩm phán thắng gần trọn số que diêm nên có vẻ hài lòng mãn nguyện.

"Chơi ăn que diêm chẳng hào hứng chút nào," O'Connor nêu ý kiến.

"Tôi thấy vui đó chứ," thẩm phán Comyn phản đối.

"Nhưng chúng ta có thể chơi vui hơn nữa," O'Connor nói. "Hay chúng ta tổ bài bằng tiền đi, chỉ vài shilling thôi."

"Cũng được," vị thẩm phán tỏ ra hào hứng. "Nhưng xem ra hôm nay anh không được hên lắm đâu."



"Tụ này mà không tốt sao?" vị linh mục vừa hỏi vừa chia ra ba con bồi và hai con già.

"Vận xui cũng phải có lúc thay đổi chứ," O'Connor mỉm cười nói.

"Cha không thể đánh bạc được," linh mục ngần ngừ. "Cha không thể chơi bài ăn tiền đâu. Tôi lỗi."

Vị thẩm phán suy nghĩ một lúc rồi nói. "Ông O'Connor này, hay là chúng ta cho Cha mượn ít tiền đi. Nếu Cha thua, chúng ta sẽ không buộc Cha trả lại tiền, còn nếu Cha thắng thì Cha ấy có thể trả tiền lại cho bọn mình."

"Ý kiến tuyệt vời," O'Connor tán đồng ngay.

"Không được đâu," linh mục cương quyết. "Cha không thể chơi bài ăn tiền."

"Này nhé," vị thẩm phán thuyết phục, "cho là Cha sẽ thắng được tiền đi nữa, thì Cha vẫn có thể dùng tiền đó vào việc từ thiện kia mà."

Vị linh mục suy nghĩ mất một vài giây. "Không biết như vậy có được không nữa," ông suy tính, "Ừm, Cha đang định đến thăm một cô nhi viện và ở đó thì họ đang cần tiền. Thôi được, sẽ ổn cả vì tiền thắng cuộc sẽ được đem tặng làm từ thiện."

"Tuyệt," vị thẩm phán nói. "Nào, ông O'Connor, chúng ta chơi bao nhiêu tiền đây? Một que diêm là bao nhiêu?"

"Mười shilling," O'Connor đáp gọn lỏn. Vị thẩm phán sững sốt vì mười shilling là nhiều tiền lắm.

Họ lại tiếp tục chơi bài nhưng lần này các que diêm được quy ra tiền. Vị linh mục gặp may và thâu tóm được các que diêm của ông thẩm phán lẫn của O'Connor. Thế là, vị linh mục có thể trả lại số tiền họ đã cho ông mượn lúc ban đầu.

Ngay khi xe lửa tiến gần đến thành phố Tralee, ông thẩm phán nhận được một tụ bài rất tốt với bốn con đầm. Ông bèn mạnh dạn tố mười bảng rồi lại thêm mười bảng nữa. Thấy vậy, O'Connor xếp bài lại bỏ cuộc, trong khi vị linh mục vẫn đeo đuổi ván bài và đặt hết số tiền mà mình có.

“Con rất lấy làm tiếc, thưa Cha,” vừa nói vị thẩm phán vừa lật ngửa các con bài. “Con có bốn con đầm.”

“Tiếc thật,” vị linh mục nói. “Cha cứ ngỡ mình sẽ có tiền đem cho lũ trẻ mồ côi chứ. Tụ của con ăn mất tụ này rồi à?”

Vị linh mục lật bài của mình ra - bốn con già.

“Con thua Cha năm mươi bảng rồi,” ông thẩm phán thừa nhận mình đã thua và lấy chi phiếu ra viết. “Cha cầm tấm chi phiếu này đến ngân hàng để lấy năm mươi bảng Anh bằng tiền mặt nhé.”

“Còn con thì thua Cha chừng này đây,” O’Connor vừa nói vừa chìa ra mười hai tờ một bảng Anh.

“Xin Chúa ban phúc lành cho hai con,” linh mục nói. “Viện mồ côi sẽ vui lắm đây khi nhận được số tiền lớn như vậy.”

Chuyến xe lửa đã đỗ lại tại thành phố Tralee.

Ông thẩm phán Comyn đến nghỉ đêm tại một khách sạn. Trước chín giờ sáng hôm sau, ông đã chỉnh tề đi đến tòa án làm việc. Hai vụ án đầu tiên đơn giản và dễ phán quyết. Giờ đến vụ án thứ ba là một vụ kiện về tội đánh bài ăn tiền và chơi bạc bịp.

“Cho mời Ronan O’Connor,” viên thư ký tòa lớn tiếng gọi.

Thẩm phán Comyn ngược lên và bắt gặp đây chính là gã đàn ông nhỏ thó đã cùng ông đánh bài trên xe lửa. O’Connor cũng ngạc nhiên không kém khi thấy vị thẩm phán.

“Ông cho rằng mình có tội hay vô tội?”, thẩm phán hỏi.

“Tôi vô tội,” O’Connor trả lời.

Một luật sư khởi tố đứng lên trình bày trước tòa về vụ kiện chống lại O’Connor. Ngày 13 tháng 5, Lurgan Keane, một người bán tạp hóa ở Tralee đã đáp chuyến xe lửa từ Dublin về Tralee. Trên xe lửa, ông ta đã chơi bài xì với O’Connor và thua hết sáu mươi hai bảng Anh. Đến nhà ga Tralee, Keane đã gọi cảnh sát và tố cáo O’Connor chơi bạc bịp, do vậy cảnh sát đã bắt giữ O’Connor. Họ tìm thấy một bộ bài đặc biệt trong túi của O’Connor. Những lá bài đã được cắt và đánh dấu một cách đặc biệt nhằm sử dụng vào hành vi gian lận.

O’Connor không cần nhờ luật sư cãi giúp. Hắn ta đứng lên và xin phép được hỏi Lurgan Keane vài câu.

“Có phải là khi ở trên xe lửa tôi đã bắt chuyện với ông trước không?”, anh ta hỏi.

Lurgan Keane suy nghĩ một chút rồi đáp. “Không, tôi bắt chuyện với anh trước vì thấy anh chơi bài một mình dở quá.”

Thẩm phán Comyn đưa tay lên che lấy mắt.

“Thế thì,” O’Connor tiếp tục, “ông nói chuyện với tôi trước và ông cũng là người đề nghị chơi xì phé ăn tiền.”

“Không,” Lurgan Keane nói, “chính anh đề nghị chơi bài xì”.

“Nhưng là chơi bằng que diêm,” O’Connor nói. “Tôi là người đề nghị chơi bài xì bằng que diêm. Chính anh mới là người đề nghị chơi ăn tiền.”

Lurgan Keane suy nghĩ lại một chút. “Vâng, có lẽ là như thế,” ông ta thừa nhận. “Nhưng,” ông ta quay sang thẩm phán Comyn, “như vậy thì không phải là bạc bịp sao, thưa ngài? Kẻ bịp bợm dùng thủ đoạn để khơi gợi người khác đưa ra đề nghị chơi bài ăn tiền.”

“Tiền à?”, O’Connor lớn giọng. “Ông đã đưa tôi bao nhiêu tiền vậy?”

“Sáu mươi hai bảng Anh,” Keane giận dữ nói.

“Không phải thế,” O’Connor nói. “Xin hỏi là ông đã đưa cho tôi bao nhiêu tiền?”.

Lurgan Keane ngẫm nghĩ kỹ càng: “Tôi không đưa tiền cho anh mà đưa cho tay nông dân vì hắn mới là người thắng cuộc.”

“Và rồi tôi có ăn tiền của tay nông dân đó không?”, O’Connor hỏi.

“Không,” Lurgan Keane nói. “Anh thua tay nông dân đó tám bảng Anh.”

“Tôi đã hỏi xong rồi,” O’Connor nói.

Vị thẩm phán hỏi Lurgan Keane: “Người nông dân đó là ai?”.

“Đó là người thứ ba trong toa xe lửa, thưa ngài,” Lurgan Kean giải thích. “Hắn chơi bài xì dỏ tệ nhưng mà hắn hên lắm.”

“Tên ông ta là gì?”, thẩm phán hỏi.

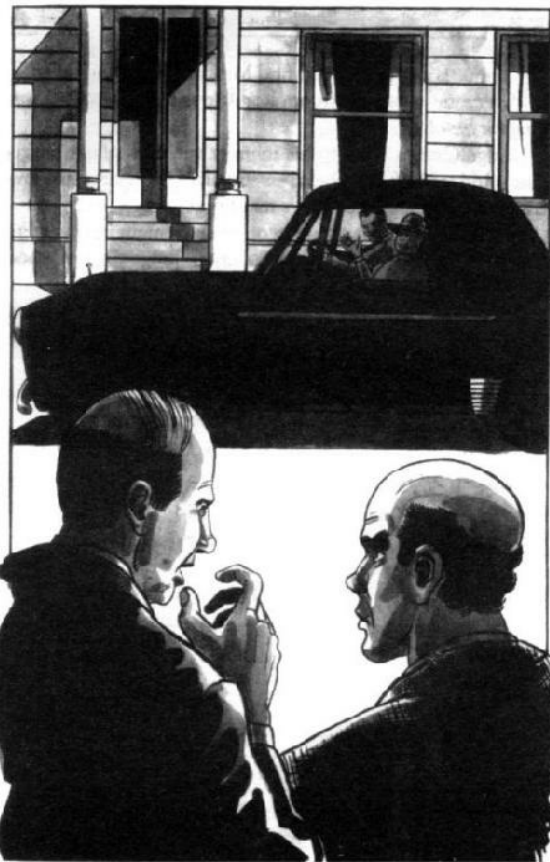
“Tôi không biết,” Keane trả lời. “Ông ta là một nông dân ở Wexford, suýt lên hụi chuyển xe lửa ở Dublin. Nhưng ông ta không phải là người đã lừa bịp tôi mà chính là gã O’Connor này. Bộ bài là của O’Connor. Tên O’Connor này là tên bịp bợm!”

Vị thẩm phán suy nghĩ trong chốc lát rồi phán. “Chúng tôi nhận được lời tố cáo rằng ông O’Connor ăn tiền do chơi bài gian lận. Cảnh sát đã tịch thu được một bộ bài của ông O’Connor. Nhưng ông O’Connor đã khai báo với cảnh sát là ông ta bắt được bộ bài đó trên xe lửa. Chúng tôi cũng được nghe thấy rằng ông O’Connor không hề ăn tiền của ông Keane. Thực chất cả hai ông đều thua tiền về tay một nông dân vô danh ở Wexford. Vụ án cáo buộc ông O’Connor không có chứng cứ. Tôi tuyên bố ông O’Connor vô tội.”

Mọi người có mặt đứng lên chào khi vị thẩm phán rời khỏi phòng xử án. Đã đến giờ ăn trưa rồi.

Thẩm phán Comyn về phòng mình ở phía sau phòng xử để cởi bỏ cái áo chùng. Rồi ông mới bước chân ra khỏi tòa án và băng qua đường để về lại khách sạn chính của thành phố.

Lurgan Keane đang đứng trên lề đường nhìn đắm đắm vào chiếc xe hơi sang trọng đang lăn bánh ra khỏi khách sạn. Thẩm phán Comyn đến đứng bên cạnh anh ta và nhìn vào trong xe.



O'Connor đang cầm lái. Bên cạnh gã là vị linh mục đã cùng chơi bài với ông thẩm phán trên chuyến xe lửa.

O'Connor đang cầm lái. Bên cạnh gã là vị linh mục đã cùng chơi bài với ông thẩm phán trên chuyến xe lửa. Vị linh mục vẫy tay chào ông thẩm phán.

“Sao hắn lại ăn mặc như thế?”, Lurgan Keane hỏi.

“Bởi vì ông ta là một linh mục,” thẩm phán Comyn trả lời.

“Không phải đâu,” Lurgan Keane nói. “Hắn chính là gã nông dân ở Wexford đó.”

Chú thích

[\[1\]](#) Nguyên tác: No comeback.

[\[2\]](#) Nguyên tác: There are some days.

[\[3\]](#) Bazooka: vũ khí di động dùng để phóng tên lửa chống tăng - ND.

[\[4\]](#) Nguyên tác: A careful man.

[\[5\]](#) Nguyên tác: Sharp Practice.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>